

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-PT  
Ngày: 27 - 4 - 2022  
V/v “*Tranh chấp quyền  
sử dụng đất và hủy giấy chứng  
nhận QSD đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Đào.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Quang Tấn.  
Ông Nguyễn Như Tám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà K1, sinh năm 1959; Có mặt.

Địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà K1: Luật sư P – Văn phòng luật sư, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Y, sinh năm 1962 và bà N1, sinh năm 1961; Ông Y có mặt, bà N1 vắng mặt.

Địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Ông Y, sinh năm 1962; Có mặt.

Địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/06/2021).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân huyện M; Vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn Thứ 11, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Anh S, sinh năm 1976; Vắng mặt.

3.3. Anh K2, sinh năm 1984; Vắng mặt.

3.4. Anh L, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

3.5. Chị T1, sinh năm 1980; Vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.6. Anh T2, sinh năm 1986; Vắng mặt.

Địa chỉ: xã TH, huyện CH, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S, anh K2, anh L, chị T1, anh T2: Bà K1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/03/2021). Có mặt.

3.7. Chị H, sinh năm 1982; Vắng mặt.

Địa chỉ: xã V, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

3.8. Anh N3, sinh năm 1986; Có mặt.

Địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

3.9. Chị C, sinh năm 1989; Vắng mặt.

Địa chỉ: xã V, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N3, chị H, chị C: Ông Y, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/06/2021). Có mặt.

**4. Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà K1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà K1 trình bày:**

Năm 1975 cha mẹ chồng bà K1 là ông N4, bà V1 cho vợ chồng bà (K1, T3) một phần đất diện tích bao nhiêu công bà K1 không biết, tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Không biết chiều ngang, chiều dài là bao nhiêu mét, loại đất trồng lúa. Năm nào bà không nhớ, vợ chồng bà K1 đào vuông khép kín nuôi cá đồng, phía giáp với đất của ông Y là con mương có chiều ngang 2,0 mét. Trong quá trình sử dụng đất,

cách đây 10 năm (năm nào bà K1 không nhớ), ông Y đào mương vuông bỏ đất lên cặp với con mương của bà K1 (không lấp mương), đến khoảng năm 2013 ông Y đưa máy cuốc vào vét mương bỏ đất về phía con mương của bà K1 làm lấp con mương của bà K1 chiều ngang có chỗ thì 1,0 mét, có chỗ thì 1,5 mét, lúc này bà K1 không hay biết. Gần đây, vào tháng 6/2016 ông Y tiếp tục đưa máy cuốc vào vét mương thì bà K1 không cho bỏ đất về phía con mương của bà K1.

Thực tế vào năm 2001 bà K1 có tranh chấp với ông Y ở mé sông (không tranh chấp đất phía trên lộ), Ban lãnh đạo áp giải quyết, bên bà K1 cho ông Y sử dụng chiều ngang khoảng 01 mét, ông Y sử dụng đến nay. Từ khi áp giải quyết, ông Y lấn ranh đất phía trên lộ cho đến nay.

Vợ chồng bà K1 được cấp giấy chứng nhận QSD đất (vào năm nào bà K1 không nhớ), đến năm 1999 bà K1 và ông T3 ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện M, bà K1 và ông T3 tự thỏa thuận phân chia tài sản, bà K1 được toàn quyền sử dụng diện tích đất này. Đến năm 2004 bà K1 nhờ Văn phòng đăng ký đất đai huyện M làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K1 đứng tên. Khi tiến hành lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K1 không ai đo đạc lại, sau đó bà K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 12.786,00 m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận QSD đất số 000163 ngày 12/5/2004.

Trong quá trình sử dụng đất, ông Y đã lấn chiếm đất của bà K1 có chiều ngang 02 mét, dài không nhớ bao nhiêu mét nhưng từ mé lộ bê tông đến hậu đất giáp với đất ông Út Cúc.

Nay bà yêu cầu ông Y, bà N1 trả cho bà K1 diện tích lấn chiếm (con mương) có chiều ngang 02 mét, chiều dài không biết bao nhiêu mét nhưng từ mé lộ bê tông đến hậu đất giáp với đất ông Út Cúc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000955 ngày 25/11/2003, do ông Y đứng tên.

**\* Bị đơn ông Y trình bày:** Năm 1990 ông C1, bà T4 có chuyển nhượng cho ông Y một phần đất có diện tích khoảng 12 công tằm lớn (tằm 3 mét), hướng nam giáp đất ông L1 (nay là đất bà K1), hướng bắc giáp đất ông H1, hướng đông giáp mương vuông địa chủ, hướng tây giáp kênh Chổng Mỹ. Khi sang nhượng có chính quyền địa phương ông H2 (nay đã chết) và có những người có đất giáp ranh chứng kiến. Lúc chuyển nhượng chỉ đo chiều ngang bằng 36 mét, chiều dài không đo nhưng tính từ mé kênh chổng Mỹ chạy dài tới mương vuông địa chủ. Ông C1 giao đất cho ông Y sử dụng đến năm 1993 ông Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy bìa xanh, năm 2003 cấp đổi thành giấy bìa đỏ đến nay, thửa 203; 204 tờ bản đồ 01, diện tích 14.795 m<sup>2</sup>. Lúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Y có cán bộ địa chính đo đạc, không có mặt gia đình bà K1.

Khoảng năm 2002 ông Y muốn nhân công đào vuông khép kín để nuôi tôm, mương có chiều ngang 02 mét, bờ 2,8 mét giáp mương ranh của bà K1, khoảng năm 2005 ông Y có đưa xe cuốc vào vét mương bỏ đất lên bờ 2,8 mét, năm 2009 ông Y

vét mương lần 2 cũng bỏ đất lên bờ 2,8 mét (cả hai lần vét mương không làm chài đất qua mương của bà K1 và cũng không tranh chấp).

Năm 2004 vợ chồng bà K1, ông T3 ly hôn, cùng năm 2004 cán bộ địa chính đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K1, ông Y không hay biết và không ký giáp ranh.

Năm 2011 phát sinh tranh chấp đất ở mé sông, phía trên lộ còn nguyên hiện trạng và không tranh chấp. Chính quyền địa phương có hòa giải, ông Y và bà K1 thống nhất cắm hai trụ ranh (bằng cây) phía đất trên lộ để ngăn thẳng xuống sông lấy trụ làm ranh (hai trụ cây hiện nay vẫn còn). Cách khoảng 30 ngày sau, gia đình bà K1 kê máy cuốc mức bờ lấp mương ranh giáp với đất của ông Y và mức lần 2 bỏ đất trồng lên cho bờ cao như hiện nay (lúc mức bờ lấp mương không có mặt bà K1). Ngày 16/6/2016 ông Y kê máy cuốc vét mương của ông chiều dài được khoảng 2/3 thì bà K1 tranh chấp, ông Y ngưng vét mương cho đến nay.

Ông Y xác định phần đất tranh chấp với bà K1 là phần đất ông Y nhận chuyển nhượng của ông C1, ông Y không lấn chiếm đất của bà K1 nên ông không chấp nhận yêu cầu của bà K1; ông Y yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K1 số 000163 cấp ngày 12/5/2004. Lý do là khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K1 gia đình ông Y không hay biết và cũng không xác định ranh giới.

Nay ông Y xin rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K1 và đồng thời không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bà K1.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M** vắng mặt, nên không ý kiến trình bày.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh S, anh K2, anh L, chị T1, anh T2 ủy quyền cho bà K1; anh N3, chị H, chị C ủy quyền cho ông Y nên không có lời trình bày.

**\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K1.

Xác định diện tích đất tranh chấp 1.232,5 m<sup>2</sup> thuộc số thửa 203, 204, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 000955/QSĐĐ, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Hộ ông (bà) Y, có vị trí: điểm 6 - 4 = 404,1 mét giáp đất ông Y đang sử dụng; điểm 4 - 7 = 2,6 mét giáp Kênh địa chủ; điểm 7-9 = 404,09 mét giáp với đất bà K1 đang sử dụng, điểm 9 - 6 = 3,5 mét giáp với lộ bê tông, thuộc quyền sử dụng của ông Y, bà N1. Phần đất tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà K1 chấm dứt hành vi ngăn cản, giao trả quyền sử dụng đất cho ông Y, bà N1 đối với phần đất nêu trên.

*(Vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các điểm giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 38 - 2017 ngày 01/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M).*

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Y về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà K1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

**\* Ngày 13/12/2021, nguyên đơn bà K1 kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K1, công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho bà K1 sử dụng và hủy giấy chứng nhận QSD đất có liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà K1, cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà K1 yêu cầu công nhận và buộc ông Y, bà N1 trả lại cho bà K1 sử dụng diện tích đất 1.232,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 000955/QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Hộ ông (bà) Y.

- Bị đơn ông Y và bà N1 yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà K1.

**- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà K1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của luật sư, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà K1 yêu cầu công nhận và buộc ông Y, bà N1 trả lại cho bà K1 sử dụng diện tích đất 1.232,5m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 000955/QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Hộ ông (bà) Y.

Hội đồng xét xử xét thấy, về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Y: Năm 1990 ông C1, bà T4 có chuyển nhượng cho ông Y một phần đất có chiều ngang 36 mét, theo giấy chuyển nhượng ngày 18/5/1999 có sự chứng kiến của ông L1 là anh ruột của ông T3 và là anh chồng của bà K1 chứng kiến, diện tích đất chuyển nhượng có chiều ngang 01 công, tức 12 tầm là 36 mét. Trước khi chuyển nhượng ông C1 đã đào mương ranh giáp với đất của bà K1 hiện nay, đồng thời ông C1 có trồng một hàng dừa trên liếp cặp mương ranh. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông Y giữ nguyên mương ranh này để làm đường dẫn nước cho đến nay, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2017 thì ông Y xác định dừa ăn trái do ông C1 trồng vào năm 1973 còn lại 04 cây và 12 cây dừa có độ tuổi từ 02 năm đến 10 năm do ông Y trồng, ngoài ra còn có các loại cây khác do ông Y trồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021, bà A là con gái ruột của ông C1 khai nhận: Đất của ông C1 có chiều ngang 36 mét. Phần đất thổ cư - vườn, ông C1 có đào con mương ranh 02 mét bỏ đất lên thành liếp trồng dừa, lúc này ông T3 chưa cưới bà K1, bà K1 không biết gì về con mương này. Ông C1 đào mương ở phần đất trồng lúa có chiều ngang 0,5 mét chạy dài cho đến hết hậu đất. Phía bên đất của bà K1 là đất trồng lúa (không có mương). Sau khi bà A có chồng, năm 1985 chồng bà A có về vét mương ranh cặp đất bà K1 để lấy đất đắp gốc dừa, hiện tại cây dừa do ông C1 trồng vẫn còn. Đối chiếu lời trình bày của ông Y với số liệu theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 38 - 2017 ngày 01/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện M và giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tờ sang nhượng đất thổ cư) ngày 18/5/1990 giữa ông C1, bà Thoi với ông Y là trùng khớp nhau, cụ thể theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 38 - 2017 thì đất ông Y có chiều ngang giáp Kênh địa chủ là 36 mét (kể cả 2,6 mét tranh chấp), chiều ngang giáp lộ bê tông Kênh chống Mỹ là 36 mét (kể cả 3,5 mét tranh chấp), diện tích đo thực tế ít hơn diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy chiều ngang đất của ông Y không thừa so với chiều ngang nhận chuyển nhượng, diện tích thực tế ít hơn diện tích được cấp giấy 247m<sup>2</sup>. Theo chứng thư định giá số: Vc 18/7/78/CT-TVAP ngày 16/7/2018 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng thì diện tích đất tranh chấp có giá trị là 54.230.000 đồng; giá trị các loại cây trồng có trên đất tranh chấp là 8.201.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp là 62.431.000 đồng.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K1. Xác định diện tích đất tranh chấp 1.232,5m<sup>2</sup> thuộc số thửa 203, thửa 204, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 000955/QSĐĐ, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Hộ ông (bà) Y, đất tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của ông Y và bà N1. Buộc bà K1 chấm dứt hành vi ngăn cản và giao trả quyền sử dụng đất cho ông Y, bà N1 đối với phần đất nêu trên. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Y về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà K1 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà K1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà K1 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà K1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 169 và Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều và Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K1 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” đối với bị đơn ông Y và bà N1.

1.1. Xác định diện tích đất tranh chấp 1.232,5m<sup>2</sup> thuộc số thửa 203, 204, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 000955/QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho Hộ ông (bà) Y, đất tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang có vị trí:

- Cạnh từ điểm 6 - 4 = 404,09m giáp đất ông Y đang sử dụng;
- Cạnh từ điểm 4 - 7 = 2,6m giáp Kênh địa chủ;
- Cạnh từ điểm 7-9 = 404,09m giáp với đất bà K1 đang sử dụng;
- Cạnh từ điểm 9 - 6 = 3,5m giáp với lộ bê tông thuộc quyền sử dụng của ông Y và bà N1.

1.2. Buộc bà K1 chấm dứt hành vi ngăn cản và giao trả quyền sử dụng đất cho ông Y và bà N1 đối với phần đất nêu trên.

*(Vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các điểm giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 38 - 2017 ngày 01/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M).*

1.3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Y về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử đất đã cấp cho bà K1.

## 2. Về án phí:

### 2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà K1 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà K1 585.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002309 ngày 19/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Kiên Giang.

### 2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà K1 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

## 3. Về chi phí tố tụng:

### 3.1 Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc bà K1 chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 3.418.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0028200 ngày 12/10/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, bà K1 đã nộp đủ.

### 3.2 Chi phí định giá tài sản:

Buộc bà K1 chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 1.650.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000099 ngày 13/8/2018 của công ty TNHH định giá Thịnh Vượng, bà K1 đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bình Đảo**

